

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BỂ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2023

“V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ma Thị Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Minh Đường và bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ưu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Huyền và ông Hoàng Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2023/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1995. Có mặt.

* Bị đơn: Anh **Nông Văn H**, sinh năm 1992. Có mặt.

Đều cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Nông Văn H chung sống thực tế với nhau từ cuối năm 2011 âm lịch, đầu năm 2012 dương lịch, hai bên hoàn toàn tự nguyện được tìm hiểu về nhau. Chị và anh H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn, do thời điểm đó sau khi cưới xong thì anh H chuyển nhân khẩu của chị H về nhà anh H từ xã Q, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng và nhập khẩu vào gia đình anh H ở xã Đ thì làm đăng ký kết hôn luôn và nói với chị H không cần phải đi cùng lên UBND xã Đ để làm các thủ tục, anh H tự làm. Chị H cũng tin tưởng chồng, làm thủ tục xin chuyển nhân khẩu theo hướng dẫn của cơ quan công an và chuyển

nhập khẩu vào gia đình nhà chồng từ năm 2012 cho đến nay. Chị H vẫn nghĩ là có đăng ký kết hôn hợp pháp vì chính anh H báo cán bộ xã đăng ký cho xong rồi và khi sinh 02 con chung thì đều đăng ký khai sinh cho con bình thường, không thấy có vướng mắc gì. Nay vợ chồng có mâu thuẫn lên UBND xã Đ sao thông tin mới biết chị và anh H không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau, do bất đồng quan điểm sống, chị H đi làm công nhân, anh H ở nhà trông con nhưng hay uống rượu, không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Quá trình sống ly thân không ai quan tâm hàn gắn tình cảm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đến thời điểm này chị H và anh H vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định nên chị H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Nông Văn H.

** Tại bản tự khai đề ngày 15/02/2023, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Nông Văn H trình bày:* Anh H và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ cuối năm 2011 âm lịch, hai bên hoàn toàn tự nguyện được tìm hiểu về nhau và đến chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn, mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Nguyên nhân không đăng ký kết hôn là vì anh H đi nhập khẩu cho chị H vào hộ khẩu gia đình anh H thì có khai là vợ đã cưới và đến tư pháp đăng ký kết hôn thì cán bộ bảo xong rồi, nên anh H nghĩ như thế là đã đăng ký kết hôn xong. Nay vợ chồng có mâu thuẫn lên UBND xã Đ hỏi thì anh H mới biết là anh và chị H chưa có đăng ký kết hôn trong sổ của xã. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Quá trình sống ly thân không ai quan tâm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H và chị Hg chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên chị H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H, anh H hoàn toàn nhất trí. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H đều trình bày thống nhất với nhau là có 02 con chung là Nông Huyền T sinh ngày 18/9/2013 và Nông Minh H, sinh ngày 30/4/2015. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay đang sống cùng anh Nông Văn H.

Khi Tòa án tuyên bố anh H và chị H không phải là vợ chồng thì anh H và chị H đều chung ý kiến là giao 02 con chung cho anh Nông Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

** Về cấp dưỡng nuôi con chung:*

- Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H đã thỏa thuận với anh H là chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng, cụ thể mỗi con là 1.500.000 đồng trên một tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng

theo định kỳ hàng tháng và đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án để chị H và anh H thực hiện.

- Anh Nông Văn Hoạt trình bày: Anh H và chị H đã tự nguyện thỏa thuận với nhau trước khi Tòa án mở phiên tòa và đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án để các bên thực hiện về việc cấp dưỡng nuôi con là chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, cụ thể mỗi con là 1.500.000 đồng trên một tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

* *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Hg và anh Nông Văn H đều cùng chung ý kiến trình bày là tự thỏa thuận về tài sản chung và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 cho đến nay tại thôn C, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn và có 02 con chung. Nhưng chị Hg và anh H không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

* *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng.

* *Về nội dung và đề nghị giải quyết vụ án*:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H chung sống với nhau như vợ chồng và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Từ đầu năm 2022 chị Hg và anh H đã sống ly thân. Quá trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai, không ai hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị H và anh H đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, đến thời điểm này chị H và anh H vẫn chưa đăng ký kết hôn nên chị H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H đều khẳng định có 02 con chung là Nông Huyền T, sinh ngày 18/9/2013 và Nông Minh Hn, sinh ngày 30/4/2015. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay đang sinh sống cùng anh Nông Văn H.

Khi Tòa án tuyên bố chị H và anh H không phải là vợ chồng thì chị H nhất trí giao các con chung cho anh Nông Văn H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, phù hợp với ý kiến của anh H và nguyện vọng của các con khi lấy lời khai.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H đã tự nguyện thỏa thuận với anh H trước khi Tòa án mở phiên tòa là chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng, cụ thể mỗi con là 1.500.000 đồng trên một tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị H và anh H đều đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án để các bên có căn cứ thực hiện việc cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H tự thỏa thuận về tài sản chung và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1, Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; 53; 81, 82; 83; 107; 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hg. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H.

- Về con chung: Giao hai con chung là Nông Huyền Tr, sinh ngày 18/9/2013 và Nông Minh H, sinh ngày 30/4/2015 cho anh Nông Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, cụ thể cấp dưỡng nuôi con Nông Huyền T, sinh ngày 18/9/2013 là 1.500.000 đồng trên một tháng; Nông Minh H, sinh ngày 30/4/2015 là 1.500.000 đồng trên một tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Chị Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H tự thỏa thuận về tài sản chung và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2012 nhưng không tiến hành các thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*

Như vậy chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H có 02 con chung là Nông Huyền T, sinh ngày 18/9/2013 và Nông Minh H, sinh ngày 30/4/2015. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị H và anh H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, đồng thời ý kiến chị H, anh H phù hợp với nguyện vọng của các con chung là được ở cùng nhau và ở với anh H, cụ thể như sau: Giao các con chung Nông Huyền T, sinh ngày 18/9/2013 và Nông Minh H, sinh ngày 30/4/2015 cho anh Nông Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy, ý kiến của các bên đương sự đều là sự tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trước khi mở phiên tòa, chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H đã tự thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con và đề nghị Tòa án ghi nhận trong Quyết định của bản án để các bên thực hiện là chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, cụ thể: Cấp dưỡng nuôi con Nông Huyền T, sinh ngày 18/9/2013 là 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng, Nông Minh H, sinh ngày 30/4/2015 là 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại điều 357 của Bộ luật Dân sự.

[5]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H tự thỏa thuận về tài sản chung và vay nợ chung, các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung được tính một lần theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; khoản 1, Điều 14; Điều 15; khoản 2, Điều 53; các Điều 81; 82; 83; 107; 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5; điểm b, khoản 6 - Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14

ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H.

2. Về con chung: Giao các con chung là Nông Huyền Tr, sinh ngày 18/9/2013 và Nông Minh H, sinh ngày 30/4/2015 cho anh Nông Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H về mức cấp dưỡng nuôi con và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung. Cụ thể như sau: Chị Nguyễn Thị Hg có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nông Huyền Tr, sinh ngày 18/9/2013 là 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng và Nông Minh H, sinh ngày 30/4/2015 là 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại điều 357 của Bộ luật Dân sự:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Chị Nguyễn Thị Hg có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn H tự thỏa thuận về tài sản chung và vay nợ chung. Các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001134 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Chị Hg còn phải nộp số tiền là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. Ba Bể;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS H. Ba Bể;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lục Minh Đường + Nguyễn Thị Hồng Vân

Ma Thị Nguyên

